

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ TRUYỀN THÔNG OMSGROUP VIỆT NAM

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ TRUYỀN THÔNG OMSGROUP VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: OMSGROUP VIET NAM TECHNOLOGY AND COMMUNICATION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109587957

**3. Ngày thành lập:** 08/04/2021

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

LK16 - 35 KĐT An Hưng, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0982373356

Fax:

Email:

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                              | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi;<br>- Bán buôn phần mềm.                                                                                                 | 4651     |
| 2.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông<br>(Trừ thiết bị thu phát sóng)<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn van và ống điện tử;<br>- Bán buôn thiết bị bán dẫn;<br>- Bán buôn mạch tích hợp và mạch vi xử lý;<br>- Bán buôn mạch in; | 4652     |
| 3.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                 | 4741     |
| 4.  | Xuất bản phần mềm<br>Chi tiết: - Xuất bản phần mềm                                                                                                                                                                                     | 5820     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 5.  | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết:<br>- Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm.<br>-Điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường về công nghệ thông tin.<br>- Tư vấn, phân tích, lập kế hoạch, phân loại, thiết kế trong lĩnh vực công nghệ thông tin.<br>-Tích hợp hệ thống, chạy thử, dịch vụ quản lý ứng dụng, cập nhật, bảo mật.<br>-Thiết kế, lưu trữ, duy trì trang thông tin điện tử.<br>-Bảo hành, bảo trì, bảo đảm an toàn mạng và thông tin.<br>-Cập nhật, tìm kiếm, lưu trữ, xử lý dữ liệu và khai thác cơ sở dữ liệu | 6209(Chính) |
| 6.  | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Trừ hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 6311        |
| 7.  | Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 6312        |
| 8.  | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Các dịch vụ thông tin qua điện thoại;<br>- Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 6399        |
| 9.  | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 6201        |
| 10. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 6202        |
| 11. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 9511        |
| 12. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 9512        |
| 13. | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2620        |
| 14. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7211        |
| 15. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7212        |
| 16. | Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7310        |
| 17. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8230        |
| 18. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4649        |
| 19. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4632        |
| 20. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4772        |
| 21. | Hoạt động nhiếp ảnh (trừ hoạt động của phóng viên ảnh)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7420        |

|     |                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 22. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Dịch vụ chuyển giao công nghệ Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu | 7490 |
| 23. | Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                 | 4783 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.200.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 120.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN TUẤN ANH | Khu 7, Xã Ngô Xá, Huyện Cẩm Khê, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam                              | Cổ phần phổ thông         | 48.000     | 480.000.000           | 40,000    | 132213531                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số                   | 48.000     | 480.000.000           | 40,000    |                                                                                             |         |

|   |               |                                                                       |                           |        |             |        |              |  |
|---|---------------|-----------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|--------------|--|
| 2 | LƯU VĂN ĐƯƠNG | Khu Thống Nhất, Xã Văn Lung, Thị xã Phú Thọ, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam   | Cổ phần phổ thông         | 36.000 | 360.000.000 | 30,000 | 131274494    |  |
|   |               |                                                                       | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |               |                                                                       | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |               |                                                                       | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |               |                                                                       | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |               |                                                                       | Tổng số                   | 36.000 | 360.000.000 | 30,000 |              |  |
|   |               |                                                                       |                           |        |             |        |              |  |
| 3 | BÙI THỊ THẢO  | Thôn Kim Thượng, Xã Kim Lũ, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 36.000 | 360.000.000 | 30,000 | 001192010019 |  |
|   |               |                                                                       | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |               |                                                                       | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |               |                                                                       | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |               |                                                                       | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |               |                                                                       | Tổng số                   | 36.000 | 360.000.000 | 30,000 |              |  |
|   |               |                                                                       |                           |        |             |        |              |  |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN TUẤN ANH

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *29/05/1992*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *132213531*

Ngày cấp: *14/01/2010*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Phú Thọ*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Khu 7, Xã Ngô Xá, Huyện Cẩm Khê, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Khu 7, Xã Ngô Xá, Huyện Cẩm Khê, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội